

CÁC PHÁP ẤN TRUYỀN THỐNG CỦA ĐẠO PHẬT

Phật Pháp vô lượng như biển cả nếu không có những tiêu chuẩn thẩm định giáo pháp thì không thể minh định được chánh tà, dễ bị ngoại giáo trà trộn phá hoại. Để xác định chánh pháp Phật đà, chư tổ đức đã đưa ra nhưng chuẩn mực để cho người tu học sơ môn dễ nhận biết, không làm lạc với ngoại giáo, các chuẩn mực đó là Pháp Ấn.

Pháp Ấn là một trong những nền tảng căn bản để xác định là giáo pháp này có phải là Phật pháp hay là ngụy tạo. Y cứ vào những pháp ấn, người tu sĩ và hàng Phật tử có thể an tâm xác quyết giáo pháp mình tu đưa đến giải thoát chơn thật. Theo Nam tông chỉ có một Pháp Ấn duy nhất là Tam Pháp Ấn Vô thường, Khổ và Vô Ngã. Theo Đại Thừa có nhiều Pháp Ấn và mỗi Pháp Ấn xác định một phạm vi hay giới hạn tu chứng riêng biệt. Hình ảnh này được ví như dấu ấn của vua quan sai khác hay chữ ký và con dấu trên các sắc lệnh của Thủ Tướng hay Tổng Thống có hiệu lệnh trùm khắp đất nước hay phạm vi hữu hạn như quyết định của tỉnh chỉ có giá trị giới hạn trong một tỉnh, quyết định của huyện hay xã chỉ lưu hành trong một huyện hay xã đó mà không có giá trị với nơi khác. Cũng vậy, theo Đại Thừa, mỗi Pháp Ấn có giá trị trên từng phạm vi nhất định giải thoát tự thân hay làm lợi lạc chúng sanh đưa đến Phật quả cứu cánh.

Pháp tức giáo pháp hay phương pháp tu hành là tướng trạng của chơn lý hay đạo. Nó cũng là quy luật vận hành của vũ trụ thí dụ vô thường là một quy luật tất yếu. Dù có Đức Phật và giáo pháp hay không nó vẫn hiện hữu vận hành ngay trước mắt chúng sanh. Nhưng người mê không rõ bị nó làm khổ đau. Bậc trí biết rõ quy luật vận hành của các pháp tự tại trong nó mà không bị nó chi phối khổ đau.

Ấn tức con dấu theo nghĩa đen nhưng ở đây chỉ cho dấu vết hay sự khắc ghi hoặc đặc tánh của pháp hiện hữu mà căn cứ vào nó chúng ta có thể xác quyết rõ ràng đây là chánh pháp.

Theo Huệ Quang tự điển Pháp Ấn chỉ dấu ấn của Phật pháp. Dấu ấn là vật để chứng minh sự thật. Vì thế, những pháp dùng để chứng minh chuẩn mực chân chính của Phật pháp gọi là Pháp Ấn.

Theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa của ngài Cát Tạng: Pháp Ấn là ấn định các pháp không thể thay đổi. Ngoài ra dùng văn làm ấn, lấy văn làm chuẩn mực cố định của một lý thuyết nào đó nếu lý và văn tương ưng với nhau thì đó là lý đúng, gọi là Pháp Ấn.

Các pháp ấn truyền thống:

Nhất Thật Tướng Ấn hay *Thật Tướng Vô Tướng Ấn* của Đại Thừa

Tam pháp Ấn tiểu thừa: *Vô thường - Khổ - Vô ngã*.

Tam Pháp Ấn Đại Thừa Thông Giáo: *Chư hành vô thường - Chư Pháp vô ngã - Niết bàn tịch tịnh*. Hoặc ba Pháp Ấn là: *Vô thường - Khổ không - Vô ngã*.

Ba môn tam muội hoặc ba giải thoát môn: *Không - Vô tướng - Vô Tác*

Theo Mật giáo, ba Pháp Ấn truyền thống là:

Nhất Thiết Trí Ấn – Nhất Thiết Chứng Trí Ấn và Thanh Tịnh ấn hay Pháp Giới Thể Tánh Trí Ấn (Chơn tâm - Diệu tâm & Thanh tịnh tâm)

Tứ Pháp Ấn: Vô thường - Khổ - Không - Vô Ngã (theo Nhất Thiết Hữu Bộ & Đại Thừa)

Ngoài ra theo các kinh Đại thừa Tứ Pháp Ấn có lúc là: Tất cả hành vô thường; Tất cả hành khổ; Tất cả pháp vô ngã; Niết bàn tịch tịnh. Pháp hội Bồ Tát tạng Kinh Bửu tích

Đại thừa: *Thường - Lạc - Ngã - Tịnh*. Kinh Đại bát Niết bàn.

Theo Đại Thừa, Pháp Ấn then chốt và quan trọng nhất của người tu phải thông suốt và ngộ nhập là ***Thật Tướng Ấn***. Thật tướng ấn gọi đủ là Thật Tướng Vô Tướng đây là pháp ấn căn bản của Thiền Tông và Giáo môn có nguồn gốc từ các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Bát nhã Bửu Tích và Mật bộ. Phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa nói: “*Ta dùng tướng nghiêm thân, ánh sáng nói thể gian, vô lượng chúng tôn kính, vì nói thật tướng ấn*”. Theo Kinh “Đại Phạm Thiên Vương Quyết Nghi” trên hội Linh sơn, Đức Thế Tôn giờ cành hoa sen khai thị cả hội chúng đều ngơ ngác chỉ có ngài Ca Diếp mỉm cười. Đức Phật nói: “*Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm Thật tướng vô tướng nay phó chúc cho ông*”. Về sau khi ngài Bồ Đề Đạt Ma đem y pháp sang Trung Hoa truyền cho Huệ khả lại thêm vào: “*Giáo ngoại biệt truyền giáo ngoại biệt truyền trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật*”. Đây là Ấn chơn lý mà Phật Phật truyền trì nhau, tổ tổ tương truyền chỉ một pháp này.

Chánh pháp tức giáo pháp chơn chánh. Nhãn tạng là con mắt tâm là pháp thiền bí yếu, căn đối trần mà nhãn căn không duyên theo trần cảnh mà thương hằng quay về nhìn bản tâm thấy rõ thật tướng tánh không tất cả pháp. Người thành tựu pháp Nhãn Tạng thì thường hằng thấy *thật tướng tánh không* các pháp hay thấy tất cả pháp đều không tướng bằng bát nhã trí - chơn tâm nên không bị trần cảnh chi phối, có cái nhìn chính xác với các pháp. Đây là pháp thiền của Bồ Tát y cứ trên tánh không bát nhã mà tu nếu không có pháp định (*Diệt Tận Định*) làm căn bản rất khó thành tựu. Đức Thế Tôn khi ngồi dưới cội Bồ Đề rạng sáng ngày thứ 49 ngài mới phát hiện pháp này, nhìn rõ

thật tướng các pháp tánh không của vạn pháp thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Khi ứng pháp, có năng lực giải quyết tức thời bằng trí trực giác, đó là diệu dụng của tâm. Đây là chỗ không thể dùng ngôn giáo chỉ bày, lý luận để hiểu nên nói là giáo ngoại biệt truyền. Thế nhưng, thật ra trong tất cả các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã Lăng Già Lăng Nghiêm v.v... đều có nói rõ chơn lý này. Sở dĩ ngài Bồ Đề Đạt Ma thêm vào câu: “Giáo ngoại biệt truyền trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật”. Vì khi ngài sang Trung Hoa, các nhà tu hành kẹt trong văn tự ngữ ngôn sơ giải lý thuyết mà quên đi tu hành thật chứng nên ngài lập lên tông chỉ trên vệt mây mù cho hàng đệ tử tan kiên chấp ngữ ngôn văn tự, mở ra lối đi riêng biệt cho Thiên tông, chỉ lấy kinh Lăng già ẩn tâm làm tông chỉ.

Vậy Thật tướng ẩn y cứ vào đâu mà hình thành? Căn cứ theo chơn tâm hay bát nhã mà thành lập trên tinh thần bất bất trung đạo như kệ nói: *“Muốn nầy mầm Bồ Đề, trí huệ soi thế gian, phải nên quan sát kỹ, thật tướng của các pháp, không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, chẳng đến cũng chẳng đi, chẳng đồng cũng chẳng khác, trong thế nhất tâm ấy, siêng tu tập trang nghiêm, công hạnh của Bồ Tát, phải tuần tự học tập, nơi học nơi vô học, chớ mong tướng phân biệt, đây là đệ nhất đạo, cũng gọi pháp đại thừa, hết thấy lỗi hý luận, đều từ đây dứt sạch, vô thượng trí của Phật, đều do đây thành tựu”*. (Bồ Tát giới Phạm Võng) đây là chỗ y cứ của tất cả chư Phật và Bồ Tát trong ba đời hành đạo nhờ đó viên thành Phật quả.

Điểm cùng tột của Thật tướng ẩn là chỉ rõ các pháp chỉ là giả danh ngay cả giải thoát Niết bàn, thánh quả tất cả các pháp cho đến Bồ Tát chư Phật cũng chỉ là danh tự giả lập, phương tiện diễn bày cho tất cả chúng sanh trên tự tánh không. Vì trên thế cứu cánh không có một lời, Pháp ấy hằng như vậy. Chỗ này, không có chư Phật Bồ Tát hay bất cứ một pháp nào mà diệu dụng không cùng tận, như kệ nói: *“Thật tướng của các pháp là tướng của chúng sanh, nếu nắm tướng chúng sanh thì xa lìa thật đạo... không động không nương tựa, ấy chính là Pháp Ấn”* (Kinh Bửu Tích). Vì thế, Đức Thế Tôn đóng thất im lặng không nói một lời tại nước Ma Kiệt Đà vào Hải Ấn tam muội mà tất cả Bồ Tát đều vân tập nói Hoa Nghiêm hải hội. Tôn giả Duy Ma im lặng mà Văn Thù và tất cả Bồ Tát đều tán thán không cùng. Đây là vô tướng mà hữu tướng, không lời mà bất tận ngôn từ để diễn tả. Không hành mà hành tất cả pháp, tất cả công đức từ đây sanh. Tất cả các kinh đại thừa đều y cứ trên Thật Tướng Vô Tướng Ẩn này mà hình thành, lìa Pháp Ấn này thì không có pháp Đại Thừa. người tu theo pháp ẩn này thì chắc chắn tròn đủ đạo hạnh Bồ Tát, viên thành Phật đạo chứng quả Bồ Đề không sai vậy.

- **Vô thường - Khổ - Vô ngã**

Là ba pháp ấn của giáo pháp căn bản. Theo Phật giáo Nam Truyền xuất phát từ kinh Tương Ưng Bộ. Theo Đại Thừa, Pháp Ấn này được đề cập đến trong các kinh “Phật thuyết nhơn xử thai”. “Phật thuyết nhập thai tạng kinh” cho đến Hoa Nghiêm Bảo Tích đều có nói rộng.

Vô thường là một quy luật chung cho tất cả vạn vật vũ trụ đứng trên pháp thì gọi là Sanh Trụ Diệt. Y cứ trên chúng sanh thì gọi là Sanh Già Bệnh Chết đây là định luật chung mà tất cả chúng sanh phải chịu. Nó thường hằng hiện hữu thế nhưng người có trí huệ mới nhận được nó và an nhiên sống không ưu não. Kẻ si mê thì bị nó làm khổ đau.

Đứng trên phân biệt thì chúng ta có thể chia vô thường ra thành thân vô thường, tâm vô thường, vạn pháp vô thường (hoàn cảnh, cõi nước chúng sanh, sự vật v.v...)

Thân vô thường: thân mạng của chúng sanh luôn biến chuyển không ngừng. Hằng ngày có vạn ức tế bào chết đi sanh ra trong thân, sanh mạng chỉ nương vào hơi thở, ngay trong mỗi niệm cũng sanh diệt không ngừng, mới ngày nào còn lẫm đẫm bước đi nay đã trưởng thành có sự nghiệp rồi bỗng chốc già nua bệnh tật lại theo thân mà đến để trở về cát bụi hay tuổi xanh đang đơm, vô thường chọn đến cướp mạng căn. Nhận thức được vô thường đang chuyển biến trong thân từng sát na, sắc thân ngũ uẩn là vô thường khổ não, là pháp bại hoại thì lia ngã và ngã sở. Người tu hằng tinh sáng an lạc hành những việc cần làm để lợi lạc cho người và mình, luôn an trú trong chánh pháp Đức Phật, không bi quan hay lạc quan trước bất cứ hoàn cảnh nào.

Tâm Vô thường: Tâm niệm tất cả phàm phu chúng ta hằng luân chuyển như dòng thác “Duy Thức Tam Thập tụng” gọi đó là “*hằng chuyển như bộc lưu*” niệm niệm dời đổi không nhất định, tùy theo niệm và hơi thở dài ngắn mà thọ mạng có sai khác. Nhận rõ được sự chuyển biến vi tế của niệm, tâm hằng tinh giác không chạy theo là người trí nhận rõ lý vô thường. Nếu mê mờ chạy theo nó thì bị chìm trong sanh tử.

Vạn pháp xung quanh ta hằng sanh diệt người xưa thường dùng từ tang hải biến vi tang điền; biển cả biến thành ruộng dâu để chỉ sự thay đổi này. Đặc biệt trong thời đại văn minh vật chất, sự thay đổi đó càng nhanh chóng hơn. Xưa là bãi rác sinh lầy nước đọng, nay là khu phố sầm uất đông đảo. Dòng sông xưa nước trong xanh nay rác rưởi nước đen ngòm phủ lấp. Chẳng những như thế, ngay cả trái đất chúng ta đang sống cũng thay đổi từng giờ từng phút trong lòng nó. Ngay cả vũ trụ hay ba ngàn thế giới cũng chuyển động sanh diệt từng phút giây theo quy luật thành trụ hoại không mà ta không biết. Người xưa biết là nhờ vào lời Đức Phật và thánh hiền để lại. Ngày nay, khoa học,

thiên văn học hiện đại đã minh chứng cho chúng ta thấy rõ lời bậc đại giác nói cách đây hai mươi lăm thế kỷ không hề sai, ngược lại lời dạy của Đức Phật còn là ánh sáng trí huệ soi đường cho khoa học hiện đại đi theo. Kinh Bát Đại Nhơn Giác nhắc nhở chúng ta: “*Thế gian vô thường, cõi nước giòn bở, sanh diệt biến dị hư nguy không chủ, người con Phật phải thường hằng quán sát như thế thì lần lần lìa sanh tử khổ*”. Mọi vật lớn nhỏ trong cuộc sống đều như thế mà thay đổi. Nhận rõ thế sự vô thường, y theo quy luật vận hành của nó mà sống phát triển tự tại trong khổ vui, không bị danh lợi tình tiền làm đau khổ, không bị nó cuốn hút trong dòng nghiệp thức vô biên là người Phật tử chơn chánh có trí huệ giữa thế gian này.

Khổ đau: là một sự thử thách mà bất cứ chúng sanh nào trong thế giới Ta Bà này cũng phải trải qua từ người nghèo đến kẻ giàu, từ vua chúa quan quyền đến muôn dân. Người mê bị khổ đau nhấn chìm trong dòng nghiệp lực vô tận của mình, trí giả nhận rõ khổ đau rõ ràng qua lý nhân quả và thật tướng tánh không mà vượt trên nó, có sức nhẫn kiên cố, thắng tất cả phiền não. Theo Đạo Phật khổ có tam khổ (Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ) bát khổ (Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ và Ngũ Ấm xí thịnh) hoặc vô lượng khổ não. Giáo lý Nam truyền cho Khổ đế là thật hữu cần trừ diệt bằng cách tu đạo đế.

Đại thừa cũng công nhận Khổ đế là chơn lý nhưng có thể tịnh hoá bằng cách tu đạo đế nhận rõ thật tánh của khổ đau, hay dùng trí tuệ bát nhã quán chiếu nhận được bộ mặt thật của nó, chứ không phải diệt trừ vì vạn pháp là tánh không, làm sao trừ diệt hay chặt chẽ hư không được. Do vô minh hay si mê tạo nghiệp, nghiệp đó là huyễn, khổ đau cũng không thật khi ta si mê, lúc đó khổ đau là thật có thể làm ta táng thân mất mạng. Do không nhận được chơn lý nên khổ đau không đáng chịu mà chúng ta phải chịu. Nhưng khi nhận rõ thật tánh không thật như huyễn của khổ thì chính khổ đau là môi trường rèn luyện cho ta có sức nhẫn nhục kiên cố ý chí sắt đá cao độ, hay tiềm lực vô biên chiến thắng mọi trở ngại. Trí giả nhận chân được điều này quán chiếu bằng thiền định thì thân chúng Khổ đế theo đạo Phật. Nói cách khác Nam truyền cho khổ đau phiền não là thật, cần diệt trừ bằng tu đạo đế. Đại Thừa chỉ rõ phiền não khổ đau không thật tự tánh như huyễn chỉ do vọng tập nhóm thành theo thói quen từ xưa đến nay nên mãi chịu khổ đau nên rõ huyễn thì lìa huyễn, bậc trí lấy đó làm môi trường rèn luyện bản thân. Thế nhưng, đừng hiểu lầm là phải đi tìm khổ đau rèn luyện mà bạn cứ sống tự nhiên an lạc, khi nó đến biết rõ mà ứng xử bằng trí huệ thì mới hợp lý đạo. Nếu chạy đi tìm khổ đau cũng là vọng tưởng, không hợp lẽ đạo, lọt vào thiên kiến khổ hạnh của ngoại đạo. Pháp Ân này là then chốt để nhập đạo.

sinh diệt đời đời theo bốn tướng sanh trụ dị diệt xoay vần từng sát na xưa có nay không, xưa không nay có nên nói là vô thường. Theo Luận Trí Độ có hai thứ vô thường: “*Niệm niệm vô thường tức sự sanh diệt tương tục trong từng sát na tâm và Tương tục vô thường là sự hoại diệt của các pháp tương tục*”. Như vậy, hai món vô thường này chỉ rõ sự sanh diệt liên tục của thức tâm và vạn pháp hay ngoại cảnh xung quanh ta.

Quan niệm về vô thường của Bắc Truyền và Nam Truyền không sai khác mấy. Nhưng Bắc Truyền nhấn mạnh đến các hành vô thường, mở rộng ý tưởng về vô thường trên tinh thần vô tác. Vì chữ hành có nghĩa là tạo tác, về sau chuyển thành nghĩa thiên lưu biến hoá. Tất cả pháp thiên lưu biến chuyển vô thường là sự hiển nhiên. Nhưng trên tinh thần bát nhã, ngay cả các pháp hạnh như công hạnh Bồ Tát chư Phật cũng như huyễn trên tinh thần hành vô hành hành. Cho nên, pháp ấn này nếu theo tinh thần bát nhã cũng gọi là Các Hạnh Vô Thường.

Chỗ này, Đại Thừa chỉ rõ tất cả nghiệp thiện ác đều như huyễn, ngay cả đại hạnh nguyện Bồ Tát cũng phải thực hành trên lý như huyễn làm rồi bỏ làm rồi đi mà cứ làm mãi mới trọn đầy tất cả công đức siêu việt có không thiện ác, vì chấp pháp chấp Phật cũng là mê. Hay rõ ràng hơn thế gian mê xì ke ma túy vợ con cờ bạc rượu chè là ngu, người tự cho mình là trí mà mê chấp Phật pháp cũng là si. Người tu Phật phải nhận rõ tự tánh các pháp, hành tất cả hạnh mà không thấy có một hạnh để mình hành, chứ không phải là không hành, hoặc hành rồi chấp, chấp rồi chết với ngu si ấy. Vì thế, trong luận Đại Trí Độ thuật lại: “Khi Đức Phật Niết bàn, Ngài A Nậu Lô Đà nói kệ rằng: “Ôi! Thế gian vô thường, như thân chuỗi bóng trăng, công đức mãn tam giới, gió vô thường hoại diệt”. Cùng một ý này, Kinh Niết bàn nói: “*Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui*”. Là hợp nhất ý nghĩa Hạnh - Hành như thị. Đây là đứng trên tướng sanh diệt thế gian mà nhìn theo quan điểm đạo Phật. Trong Đối Trị Tất Đàn nói: “Vì muốn cứu chúng sanh khỏi sự đắm say trong cái vui ba cõi nên Đức Phật nói vô thường cho chúng sanh lia dục nhiễm” (*Luận Trí Độ*). Thế nhưng, người tu đại thừa ngay cả công đức hay hạnh nguyện thù thắng khi viên mãn cũng phải lia luôn không trụ trước mới thật chứng pháp ấn vô thường này.

Đặc tính của pháp ấn vô thường là giúp cho người con Phật luôn thường hằng tỉnh giác trong quy luật sanh diệt của vạn pháp không bỏ phí thời gian vô ích, nhận ra thể bất sanh diệt trong ta, thường hằng sống với chơn tâm bất sanh diệt của mình. Mặt khác, chính vô thường là năng lực thúc đẩy sự tiến hoá của con người, nếu không có vô thường chuyển biến thì một học sinh không có ngày thành thợ giỏi hoặc người thầy trên bục giảng hay kỹ sư bác học... Do nhận rõ lý vô thường sanh

diệt, người trí bớt đi sự tranh đấu vô nghĩa, không phung phí thời gian vô ích, không hoảng sợ khi nó đến với chúng ta, không buồn rầu lo lắng tư lự ưu sầu. Mà thường hằng sống với pháp thân không sanh diệt của chính mình, dùng trí huệ thuận theo quy luật vũ trụ mà sống và hành đạo làm lợi ích tất cả chúng sanh bằng tâm từ bi vô hạn lượng.

Chư pháp Vô Ngã: Đây là pháp ấn đặc thù của Tiểu Thừa và Đại Thừa, không có mặt trong hệ thống tư tưởng Nam truyền dù trong kinh tạng Nikaya có đề cập đến, nhưng các nhà tư tưởng Nam truyền không hiểu nổi tư tưởng này. Khi nói đến Vô Ngã, Phật giáo Nam truyền chỉ đề cập đến không có cái tự ngã trong ta và không sở hữu của ta. Các bộ phái Phật giáo và Đại Thừa thì ngoài triển khai *Nhơn vô ngã* còn đi sâu vào *Pháp vô ngã* tức tất cả pháp vận hành theo quy luật tự nhiên không có chủ thể tự tánh, không lìa tất cả sanh diệt biến dị như tâm kinh bát nhã khẳng định các pháp đều không tướng, không sanh sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm dường như hư không lìa năm uẩn, sáu trần, mười hai xứ mười tám giới và tất cả pháp người tu phải rõ tánh pháp giới như kệ nói: *“Biết rõ pháp giới tánh sanh diệt, Vô ngã vô tranh diễn các căn”* (*Pháp Hội Bửu Nữ Q.8. trang 34*). Đây là nêu lên huyền tướng của vạn pháp chỉ rõ hơn pháp không hai trên tinh thần bất nhị trong pháp hội “Vô Biên Trang Nghiêm”, Đức Phật dạy người tu phải: *“Trụ nơi hạnh tự lợi và lợi tha, khéo quan sát tự tha, tất cả pháp đều vô ngã, Ngã đã thanh tịnh liền chứng nhập tất cả pháp thanh tịnh. Thích diễn thuyết giáo pháp để khai thị, chẳng bỏn xén nơi chánh pháp”*.

Như vậy, khi nói đến pháp ấn vô ngã theo tiểu thừa là *Nhơn Vô Ngã* còn đại thừa chỉ rõ lý ngã pháp đều không, đây là căn bản của pháp tánh không của bát nhã. Pháp hội Phổ Minh Bồ Tát nói: *“Người giữ giới vững chắc, người quán tất cả hành là vô thường, khổ não, tất cả pháp vô ngã, Niết bàn tịch diệt nguyện muốn được. Các Tỳ Kheo này thọ của tín thí như núi tu di cũng quyết báo được phước tín thí, Tỳ Kheo này thọ của tín thí khiến thí chủ được lợi ích lớn, quả báo lớn”*.

Niết bàn tịch tịnh hay khổ không đây là một pháp ấn đặc thù của Phật giáo Bắc truyền trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ bản HÁN, nhưng bản viết dịch đánh lầm thành bốn pháp ấn. Trong cõi tịnh độ không có các điều khổ, ngay cả danh tự khổ cũng không, mà nói cây báu diễn nói các pháp Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã theo tinh thần Hữu Bộ là sai lầm. Trên lý tánh khi nhìn được thật tướng tánh không các Pháp thì khổ cũng không thật có. Chỉ vì chúng ta ngu si không nhận được thật tướng các pháp chạy theo huyền pháp nên chịu khổ đau trong huyền mộng. Văn Tiểu Sám Hối nói: *“Tất cả các pháp đều là Phật pháp mà con không rõ lại theo dòng vô minh. Vì thế, trong trí*

Bồ đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc”. Chúng sanh mê nên chịu khổ đau trong nghiệp vọng. Người có trí huệ quán sát nhận rõ được cội nguồn của khổ đau thì ngộ được đạo mầu. Cho nên pháp ấn này gọi đúng phải là khổ không tức Niết bàn là trạng thái thanh tịnh vắng lặng không có khổ đau.

Theo giáo pháp căn bản, người tu Đạo để khi chứng Diệt đế tức Niết bàn. Pháp cú 202 nói *“Không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn, không có vui nào bằng vui Niết bàn”*. Thanh văn biết pháp hữu vi vô thường thì cầu chứng an trú Niết Bàn, Với Bồ Tát đại thừa chính gian khổ là chất liệu hình thành diệu trí giác ngộ. Đây là lý phiền não tức Bồ Đề. *“Luận Bảo Vương Tam Muội”* nói: *“Chánh pháp Phật đà lấy bệnh khổ làm thuốc thần, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy khúc mắc làm thú vị, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khó khăn làm thích thú...”* khổ không là trạng thái ngộ được nguồn tâm, rõ được pháp tánh thân chứng Niết bàn nên không còn đau khổ. Niết bàn là trạng thái chấm dứt tất cả khổ đau. Thế nhưng, theo tinh thần Đại Thừa, Niết bàn của Thanh văn và Bồ Tát sai biệt nhau. Thanh văn vào Diệt Tận Định chứng Hữu Dur Niết bàn, khi xả thân được coi là viên mãn Vô dư y Niết bàn, cho đây là viên mãn. Đại thừa thì chỉ rõ chỗ này chỉ là tướng Niết bàn chỉ mới viên thành như vô ngã, chứ chưa phải thật chứng đại Niết bàn vì khi Thanh văn vào định, tất cả phiền não vắng bật, an trú Niết bàn, khi xả định, bao phiền não vẫn y nguyên vì trong Diệt Thọ Tướng Định do không còn thọ tướng nên không khởi phiền não. Vì thế, chỉ có hàng đại Thanh văn mới dám đồng mãnh hoằng pháp lợi sanh nhưng tập khí chưa trừ, không thể đưa người vào biển đại giác ngộ cho nên chỉ khuyên dạy người phật tử sống đạo đức hành thiện cúng dường sanh thiên tu hành chứng đến A na Hàm. Chỉ có xuất gia mới chứng quả vô sanh giải thoát cứu cánh.

Bồ Tát khi ngộ được thật tướng các pháp là tánh không vốn không chỗ trụ thì nhập Vô Trụ Xứ Niết bàn hay chứng Thật tướng bát nhã. Vô trụ xứ Niết Bàn, khi căn không duyên trần thức không sanh, chỗ đó là Niết Bàn. Khi vào được Tánh định, tất cả nơi chốn đều là Niết Bàn. Đi đứng nằm ngồi đều ứng dụng được. Chỗ này khác với Thanh Văn phải ngồi thiền vào Diệt tận định chứng Hữu Dur hay thị tịch mới có Niết Bàn viên mãn Vô Dư. Hàng Bồ Tát khi căn không duyên trần thức không sanh thì có Niết Bàn thanh tịnh (Vô trụ xứ Niết bàn). Chỗ này, kinh Lăng già nói: *“Tự tánh vọng tướng là Niết Bàn”*. Vì tự tánh vọng tướng không lìa tánh không trở về chân tâm thì vọng tướng không còn đó là Niết Bàn. Bấy giờ thành tựu pháp vô ngã trí tự tại thường hằng không mất. Khi vị vào Thập Địa đến đẳng giác trở về thể như mới chứng Tự Tánh Thanh Tịnh Niết bàn sau một quá trình rèn tâm viên mãn trong pháp giới. Đây là chỗ Kinh Lăng Già nói: *“Tất cả không Niết*

Bàn, không Niết Bàn của Phật, cũng Phật Niết Bàn, tự tánh vô sở hữu”. Rõ tánh thể vốn không, vạn pháp huyễn hoá vô thường chỉ là danh tự như ánh chớp hay bóng trong gương thì làm gì có người chứng và chỗ chứng đắc.

Tóm lại, theo tinh thần Đại Thừa chỉ có Đức Phật mới thật chứng chơn thật đại Niết bàn còn Thanh Văn và Bồ Tát chỉ phần chứng Niết bàn chứ chưa cứu cánh. Chỗ này Pháp Hoa nói là Hoá Thành chứ chưa phải thật sự là bảo sở.

Ba Pháp Ấn này là căn bản để viên thành Bồ Tát hạnh không được nam truyền Phật giáo triển khai dù tạng Nikaya có nói. Về quả chứng là Bồ Tát từ bát địa trở đi, phần lớn các kinh đại thừa đều có pháp ấn này.

Có nhà nghiên cứu cho rằng đây là sự phát triển của giáo nghĩa đại thừa. Thế nhưng, thật ra đó là sự gán ghép gượng ép mù mờ theo suy diễn của tri thức, vì pháp ấn là dấu vết hay sự khẳng định chánh pháp trên tinh thần tâm chứng ba đời chư Phật đều diễn nói như vậy, tất cả người tu đều phải y đây tu trì mới chứng đạo dù tất cả pháp đều là phương tiện nhưng người sau không bằng được người trước, con đường thánh trước đã đi phần lớn người sau kế thừa phát triển không trọn vẹn chỉ đến Phật quả mới cứu cánh. Đạo Phật không đặt giáo pháp trên nền tảng phát triển mà lấy tâm chứng hay hành đạo thực nghiệm làm căn bản thể nghiệm đạo mẫu hay chứng đạo xong, có trí huệ nhìn thấu thật tướng vạn hữu, khi giáo hoá mới tùy theo hoàn cảnh, nhân duyên, thời tiết, quốc độ mà diễn bày giảng giải. Giáo pháp Đức Phật dù là Bắc truyền hay nam truyền từ ngàn xưa đều y theo người chứng đạo mà được xiển dương tùy theo tâm chứng người hành và chủng tánh quốc độ mà hoằng dương chứ không phải là sự suy diễn phát triển trong vọng thức như vọng kiến tri thức khoa học. Suy diễn nghiên cứu của khoa học chỉ có tính tương đối nay đúng nhưng ngày mai lật lại đó là sai bét đập đổ hoàn toàn. Sự phát triển khoa học đem lại cho con người rất ít lợi lạc mà đem lại chiến tranh bệnh tật ma tuý kích thích phi đạo đức đầy dẫy, tranh đấu cách biệt giàu nghèo và tàn phá thiên nhiên huỷ hoại môi trường là chính. Vì nó được phát triển bằng vọng thức phiền não tham lam sân hận ngấp trời. Ngày nay, phần đông người học Phật lấy khoa học để nhìn Phật pháp chỉ là đem trí ếch nằm đáy giếng nhìn Phật pháp. Đặc biệt với Đại Thừa là pháp đi về lìa ngôn ngữ, dứt suy lường thấy bằng thiên định tâm chứng lại càng xa vời hơn. Vì nó được đặc trưng sự tàn phá đập đổ tất cả rồi phát triển cái mới. Vọng chơn gồm đủ. Ngược lại, sự khẳng định trong giáo pháp Phật mang tính chắc thật chơn lý bất biến trước mọi hoàn cảnh, không bị thời gian không gian chi phối, dù là phương tiện diễn bày nhưng phải xác thực. Pháp ấn là ấn khả các pháp như thế, xưa hành

như thế nào, nay phải như thế. Dù có tùy duyên bất biến theo hoàn cảnh xã hội phong tục cõi nước nhưng thiên định và giải thoát và pháp hành không biến đổi mới thật sự là Pháp Ấn của Ba đời chư Phật. Chư Phật và tất cả hiền thánh đều y đây tu hành chứng đạo và diễn bày các pháp như thế trên tinh thần trung đạo hiện rõ thật lý đạo vốn không lời.

- **Không - Vô tướng - Vô Tác (Vô Nguyện)**

Ba pháp ấn này cũng gọi là ba môn giải thoát hay ba môn Tam muội. Theo kinh Pháp Ấn Tạp A hàm - Luận Trí Độ và các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bửu Tích...

Do thực hành pháp ấy thì được giải thoát vào Vô dư Niết bàn nên gọi là ba môn giải thoát.

“Ba môn này cũng gọi là ba món trí huệ, ba món này nếu không ở trong chánh định tam muội thì là cuồng huệ, phần nhiều rơi vào tà nghi, không thể làm được gì. Nếu ở trong tam muội có thể phá các phiền não, ngộ được thật tướng các pháp. Ba pháp Không Vô Tướng Vô Tác này là Tánh định hay Vô trụ xứ Niết bàn.

Lại nữa, đạo lý này trái ngược, khác biệt thế gian. Các thánh nhơn ở trong định chứng được thật tướng mà nói ra, chẳng phải do cuồng tâm nói. Lại trong các thiên định không có ba pháp này thì không gọi là tam muội vì còn thối thất đoạ vào sanh tử...” (Trí độ luận trang 777-778)

Không: Quán các pháp không có ngã, ngã sở do nhơn duyên hoà hiệp sanh không có người làm người chịu là Không giải thoát môn. Bồ Tát Nhất Thiết Huệ nói: “*Quán sát nơi các pháp, đều không có tự tánh, tướng nó vốn sanh diệt, chỉ là giả danh thuyết. Tất cả pháp vô sanh, tất cả pháp vô diệt, nếu hiểu được như vậy, chư Phật thường hiện tiền. Pháp tánh vốn không tịch, vô thủ cũng vô kiến. Tánh không tức là Phật, chẳng thể nghĩ lường được. Nếu biết tất cả pháp, thể tánh đều như vậy, người này thời chẳng bị. Phiền não làm nhiễm trước*” (Phẩm Tu di đánh Kinh Hoa nghiêm). Người tu nhận rõ thật tướng các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, nên không lãnh thọ, không chấp trước như kệ nói: “*Các pháp tánh thường không, tâm chẳng thủ trước không, nhãn được pháp như vậy, là sơ tướng Phật đạo*”. Tâm kinh Bát nhã dạy rõ người tu phải quán Năm Uẩn Mười Tám Giới, Tứ Đế, Mười Hai Nhơn Duyên đều là không tướng, là vô sở đắc, nhơn đó thành tựu đạo Bồ Đề. Trên lý thể tuyệt đối thì ngay cả Phật Bồ Tát các giai vị tu chứng cũng đều không tịch giả danh không thật. Rõ được như vậy là quán Chơn Không Bát Nhã hay pháp ấn Tánh Không của đạo Phật.

Vô tướng: Không có tất cả các tướng hư vọng, ngoài lia tất cả tướng gọi là vô tướng hay lia tướng tức là pháp thể thanh tịnh đây gọi là “**vô tướng**”, tức chỉ cho thân chúng sanh và tất cả pháp không có tướng trạng nhất định, chỉ do nhơn duyên hoà hiệp và tâm điên đảo vọng tưởng sanh.

Người tu phải thấy rõ thân này là huyễn hoá không thật do nhơn duyên hoà hiệp có, từ tâm hư vọng điên đảo sanh. Như kệ nói: *“Cúi ngưỡng co duỗi đừng đứng lại, trông xem ngó nói năng không thật, gió nghiệp nương thức có tạo tác, thức ấy diệt mất niệm niệm không, kia đây nam nữ khởi tâm ta, vì không trí huệ vọng thấy có, xương mọc liền nhau da phủ thịt, máy móc động tác như người gỗ. Trong không có thật ngoài sợ người, ví như nấu vàng rót trong nước, cũng như lửa đồng đốt rừng tre, do nhơn duyên hợp phát ra tiếng”*. Đại Thừa Nghĩa Chương nói Vô Tướng, có hai nghĩa.

Một là: nhơn lý sáng danh, rõ tự thể các Pháp lia tất cả các tướng, nên gọi là Vô tướng.

Hai là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sanh, trú, diệt nên gọi là Vô tướng.

Tự tánh các pháp thường vắng lặng thanh tịnh như kinh Pháp Hoa nói: *“Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng, pháp nào trụ vị ấy, thế gian tướng thường trụ”*. Tất cả, cả tướng trạng của vạn pháp mà chúng ta thường thấy chỉ là giả tướng không thật, bị quy luật vô thường chi phối nên biến đổi vô thường trong từng giây phút. Còn thật tướng của các pháp thì Bát Nhã Tâm Kinh đã khẳng định: *“Các pháp đều không tướng, không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh, không tăng, không giảm. Trong chơn không thanh tịnh ấy, không có Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ý. Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không có nhãn giới, không ý thức giới, không có vô minh cũng không có cái hết vô minh. Cho đến không có già chết cũng không có cái hết già chết. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không trí cũng không đắc...”* rõ các pháp là không tướng trên tinh thần vô sở đắc thì lia được chấp ngã và chấp pháp.

Người tu phải: “Chẳng dùng vô tướng thấy, chẳng dùng vô tướng quán, cũng chẳng ở vô tướng, mà quán là vô tướng, vô tướng vô sở hiển, vô nguyện bất khả đắc, không có chút pháp thể để mà tu tập được, chẳng niệm nơi vô tướng, cũng chẳng niệm vô nguyện, vô phân biệt như vậy, hiển rõ tướng vô tướng, chẳng hướng đến vô tướng, cũng chẳng vào vô tướng không đến không chỗ vào, hiện rõ bình đẳng trụ. Người trí chẳng thấy tướng cũng chẳng thấy vô tướng...” *“(Pháp hội Mặc Giáp Trang Nghiêm Kinh Bửu tích)*. Như vậy, khi rõ tất cả pháp vô tướng thì không kẹt vào tất cả tướng pháp sanh diệt của thế gian. Nhân đó “người tin hiểu vô tướng, tịch diệt lia các oán”. Đây là pháp ấn thứ hai. Thế nhưng, người tu phải thấy tất cả pháp tướng là tướng vô sanh vô trụ vô diệt chẳng chấp vô tướng làm chỗ chứng mới thật sự ngộ nhập vô tướng mới thật sự là hành vô tướng tròn đủ tất cả đạo pháp của chư Phật.

Vô Tác: Tất cả pháp đều không có tướng không sanh diệt đến đi qua lại là vô tác, cũng không có đã làm, nay làm, sẽ làm. Ở đây, pháp ấn này khẳng định tất cả pháp không có người tạo tác cũng không có pháp tạo tác, chỉ thuận theo duyên mà sanh khởi, theo duyên tán hoại.

Vô tác có hai phần hành đạo:

Hiểu vô tác là rõ tất cả pháp không người tạo tác nên không tạo nghiệp sanh tử không khởi vọng duyên theo trần cảnh, an trú trong Niết bàn tịch lặng, không có chí nguyện thú hưởng Vô Thượng Bồ Đề đây là tướng Thanh văn. Như Kinh Pháp Hoa Phẩm Tín Giải, Ngài Ca Diếp nói: *“Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỗi một chỉ nhớ nghĩ ba pháp Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với các pháp du hí thân thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ Tát lòng không ưa thích”*.

Bồ Tát dù rõ các pháp không tác giả như huyễn hoá nhưng lại ở trong pháp giới tự tại hành đạo trên tinh thần làm rồi bỏ làm rồi đi mà cứ làm mãi. Hành tất cả hạnh mà không thấy có người hành pháp hành, nguyện độ tận chúng sanh giới mà không không thấy có một chúng sanh được độ. Đó là Bồ Tát hành Vô Tác Tam Muội. Vô tác là cội gốc của trí bát nhã.

Pháp Ấn thứ ba này cũng gọi là Vô nguyện, thoải nghe có vẻ trái ngược với chơn lý vì người tu Bồ Tát đạo lấy đại nguyện làm căn bản độ sanh nhờ đó viên thành Phật đạo, thế nhưng vô nguyện là hành nguyện tự tánh bất khả đắc như kệ nói: *“Thế Tôn có những nguyện, tìm cầu bất khả đắc, chúng ấy lia sở tác, nơi có chẳng khởi nguyện tu hành tâm tịch diệt, dứt trừ dây khát ái”* (Pháp hội Kiến thiết Bồ Tát). Như vậy, vô nguyện là trạng thái không mong cầu, không trụ chấp vào nguyện lực của mình khi hành đạo cũng như khi thành tựu mà thường hằng hành viên mãn đại nguyện độ sanh không chướng ngại. Như lời tán thán: *“Vô nguyện được giải thoát, chẳng cầu lia trói buộc, buông bỏ chẳng khởi nguyện, Phật tử giữ oai đức”*.

Theo Luận Trí Độ, Không tam muội có hai hành tướng

Do quán năm uẩn không có thật tướng dị tướng nên gọi là không.

Quán ngã và ngã sở không có được nên vô ngã.

Vô tướng tam muội có bốn hành tướng là tận diệt diêu xuất.

Quán Niết bàn hết sạch tất cả khổ nên gọi là tận. Lừa ba độc phiền não... diệt hết nên gọi là diệt. Đây là pháp bậc nhất trong tất cả pháp nên nói là diêu. Lìa khỏi thế gian nên nói là xuất.

Vô Tác Tam Muội có mười hành tướng: Quán năm uẩn do duyên sanh nên vô thường. Thân tâm bị phiền não nên khổ. Quán năm thọ uẩn có bốn hành tướng: phiền não và nghiệp hữu lậu

hoà hiệp sanh ra khổ quả, nên gọi là Tập. Do sáu nhân sanh khổ quả nên gọi là nhân; do bốn duyên sanh khổ quả nên gọi là duyên; nhân duyên bằng nhau không nhiều không ít sanh ra khổ quả nên gọi là sanh. Quán năm bất thọ uẩn có bốn hành tướng: Tám thánh đạo phần có thể đưa đến Niết bàn nên gọi là đạo. Không điên đảo nên gọi là chánh. Chỗ đi của hết thấy thánh nhân cho nên gọi là tịch. Phiền não và ái kiến không ngăn trở được nên gọi là đáo.

Theo A Tỳ Đàm, không giải thoát môn này duyên khổ đế gồm năm uẩn. Vô tướng giải thoát môn thường duyên Diệt Đế. Vô tác giải thoát môn duyên ba đế gồm năm uẩn.

Theo Đại Thừa, ba giải thoát môn này duyên thật tướng các pháp, vì ba môn này xem thể gian tức Niết bàn như chỗ nói thành Niết bàn có ba cửa là Không, Vô Tướng, Vô Tác (Vô nguyện). Khi người thành tựu ba môn tam muội này thì có năng lực hàng phục chúng ma như pháp hội Tịnh tín Đồng nữ nói: *“Nơi Không Vô tướng và Vô nguyện, được ba giải thoát hàng ma oán”*.

Ba pháp ấn này thật ra trong Kinh tạng Nam Truyền cũng có nói như Pháp Cú câu 92-93 nói: *“Ai đoạn sạch lậu hoặc, tài sản không chất chứa, uống an vừa biết đủ, Không Vô Tướng Giải Thoát, như chim giữa hư không, hướng chúng đi khó tìm”*. Nhưng chỉ có hai trong ba pháp ấn này vì các bậc A La Hán chưa ngộ chơn tâm thì không hiểu lý Vô Tác - Vô Nguyện của Đại Thừa, vì đây là nền tảng của Bát Nhã. Mà nêu lên thêm Giải Thoát tức Niết bàn làm Pháp Ấn và Vô Tướng thì các nhà tư tưởng Nam Truyền chỉ hiểu mơ hồ qua hành trạng diệt độ không dấu tích của thánh A La Hán chứ không triển khai rộng được.

Như vậy, ba Pháp Ấn này thật ra là quả chứng của ba pháp ấn Vô thường Khổ và Vô ngã. Do thấu suốt lý Vô Thường qua thiền định, rõ Khổ đế và nguyên nhân của khổ hành đạo mà chứng nhập Diệt đế tức Niết bàn hay thành tựu Vô Ngã mà đạt ngộ Không, Vô Tướng Vô tác đây là ba pháp Ấn khẳng định lý giải thoát hay hành dụng của bậc thánh từ A La Hán đến Bồ Tát Quyền Thừa đến Đẳng Địa. Nếu Bồ Tát sơ phát tâm tu hành Không, Vô Tướng, Vô tác, hiểu tất cả pháp không sanh diệt thì an trụ pháp giới bình đẳng.

Sự khác biệt của Bồ Tát và Thanh văn là Thanh văn chứng pháp hay thấy trong thiền định và thủ chứng pháp (Pháp Định). Còn Bồ Tát thấy trên tinh thần bát nhã không trụ hay Tánh định như pháp hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói: *“Bồ Tát nhập môn Không Vô tướng, Vô Nguyện, mà hay an trụ phương tiện thiện xảo, chẳng hề thích Niết bàn của nhị thừa”*. Theo Luận Đại Trí Độ Q.5: *“Nếu người thực hành Không Vô Tướng Vô tác thì gọi là đắc Thật Tướng tam muội”*. Bồ Tát đại thừa hành ba môn này trên tinh thần vô sở đắc, không thủ chứng. Như Bồ Tát Bất Thuần nói: *“Bồ Tát tu*

tập không vô tướng vô nguyện, tự mình chẳng chứng Không, Vô Tướng, Vô Nguyện mà vì chúng sanh giải nói ba môn giải thoát ấy". Như vậy vì rõ thật tướng các pháp hành trên tinh thần không trụ chấp nên Bồ Tát không thủ chứng pháp. Pháp Hội Bất Khả Thuyết Bồ Tát nói: "*Không Vô tướng, Vô nguyện chơn thật không có chứng, thế nên Như Lai cũng không có chứng đắc*". Như vậy, pháp ấn này cùng thật tướng ấn tương quan chặt chẽ, nếu dùng tâm hạnh Bồ Tát thực hành thì ba pháp ấn này chính là nhất thật tướng ấn. Người quán Không, Vô Tướng Vô Nguyện gọi là quán tất cả pháp. Hành theo Thanh văn thì quả chỉ là A La Hán.

Nhất Thiết Trí Ấn - Nhất Thiết Chứng Trí Ấn và Thanh Tịnh ấn hay Pháp Giới Thể Tánh Trí Ấn (Chơn tâm - Diệu tâm & Thanh tịnh tâm). Đây là ba pháp ấn đặc thù của Mật giáo xác định Mật Tông là chánh pháp hay diệu pháp bí mật của chư Phật Bồ Tát. Phần đông người tu và các nhà nghiên cứu vì không rõ ba pháp ấn này nên liệt Mật giáo là ngoại đạo. Mà quả thật như thế, tất cả người tu Mật giáo nếu không rõ ba pháp ấn này chính là ngoại đạo hay Bà La Môn ẩn mình trong giáo pháp Đức Phật.

1/- Vô thượng Đà La Ni

Hay Nhất Thiết Trí Ấn tức Chơn Tâm thanh tịnh, là cốt tuỷ của giáo pháp Đức Phật. Vì tất cả các pháp không lìa tâm mà hiện hữu. Tâm là pháp thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng nên gọi là Vô Thượng. Nghĩa là không có pháp nào hơn. Tất cả Đại tạng, tiểu tạng kinh đều từ tâm này lưu xuất ra. Đức Phật phương tiện thiện xảo nói Tam thừa, Quyền thừa, Thanh Văn, Bồ Tát thừa và Phật thừa cũng từ tâm này nói ra, nên nói là tóm thâu gìn giữ tất cả Phật pháp không để quên mất. Phật quá khứ hiện tại và Phật tương lai từ đây sanh, trí Bát Nhã cũng từ tâm này hiện, mà trí Đẳng Giác, Diệu Giác cũng từ tâm này mà lưu xuất.

Đà la Ni là sức trí tuệ năng lực tóm thâu gìn giữ tất cả Phật pháp không để sót mất. Là trí biết khắp tất cả pháp hay chân tâm hàm chứa tất cả pháp, nó ẩn mật sâu kín ngoài tâm lượng của phàm tình. Người ứng dụng được chân tâm có năng lực diệu dụng ra làm lợi lạc chúng sanh tự tại. Khi diệu dụng ra như khi trì một bài chú, người ứng dụng được chân tâm dùng lời phát ra là Đà La Ni. Là chân ngôn Mantra, vì trong đó có tâm lực diễn ra, trí lực diệu dụng ra gọi là Đà La Ni. Đức Thế Tôn phó chúc cho Ngài Ma Ha Ca Diếp Chánh Pháp Nhân Tàng: *Con mắt chánh pháp quay về tâm*. Niết Bàn: *tâm thanh tịnh rỗng rang không một vật*. Diệu Tâm: diệu dụng ra, Thật Tướng Vô Tướng là đây vậy. Từ Đức Phật khai thị cho Ca Diếp đến Bồ Đề Đạt Ma đều như thế cả. Khi ngài Huệ Khả nói tâm con bất an xin Hoà thượng an tâm cho con, ngài Bồ Đề Đạt Ma bảo: "Đem tâm đây ta an

tâm cho”. Huệ Khả quay vào tìm tâm không thấy. Tổ nói: “Ta đã an tâm cho ông?” Có phải lúc ấy ngài Huệ Khả dùng “*Chánh Pháp Nhãn Tàng*” quay vào tìm tâm không thấy? Chỗ đó có phải vắng lặng thanh tịnh không? Người tu nếu ngay chỗ này nhận được tâm, y đó để tu hành, dùng đó diệu dụng thuyết pháp độ sanh. Chỗ này chỉ thâm tự nhận chớ ai chỉ được. Chỗ này, Ngài Bồ Đề Đạt Ma cũng dùng ngôn thuyết thế gian, phương tiện chỉ bày vì Tâm vốn vô hình vô tướng làm sao thấy, lấy gì tìm? Sau khi ngộ được Ngài Huệ Khả nói: “*Ba phen tìm tâm, tâm chẳng thấy. Dốc lòng kiếm vọng, vọng hoàn không*”. Chỗ này có phải Vô Thượng Đà La Ni không?

Khi người ngộ nhập chơn tâm, chỗ này gọi là trùm khắp, mở ra thì trùm khắp pháp giới, thu lại thì nằm trong hạt cải, đầu kim. Vì thế, cổ đức có thơ rằng: “*Càn khôn rút lại đầu lông xiu, Nhật nguyệt nằm trong hạt cải mòng*”. Lúc này, ngay cả hạt cải cũng không, mở ra trùm khắp tất cả, thu lại vắng không chẳng có một niệm. Chỗ này, không có biên giới ranh vực, giới hạn. Không có cao thấp lớn nhỏ, nên nói là Vô Thượng. Nếu còn tướng của tâm thì chưa phải là chỗ chân thật của đạo mà phải trở về thể vô tướng hữu tướng hay chân không diệu hữu, thù thắng, vắng không một pháp như ngài Ưu Ba Cúc Đa nói: “*Tâm tự tâm xưa nay, bốn tâm không một pháp, có pháp có bốn tâm. Không tâm phi bốn pháp*”. Người ứng dụng đến chỗ này mới thật sự là Vô Thượng Đà la ni.

Người tu nếu trở về ứng dụng được tâm này, thì rõ suốt pháp tạng của tất cả chư Phật nói ra. Vì chư Phật cũng dùng tâm này nói kinh. Người nào dùng được tâm này thì thấu suốt tất cả kinh điển. Vì tâm tương ưng thì Pháp tương ưng, Pháp tương ưng thì cảnh giới tương ưng.

Bồ Tát ngộ nhập được Bát Nhã hay chân tâm (*tri kiến Phật*) rõ thật tướng tánh không các pháp thì mới không kẹt trong chấp pháp, mới có thể tăng trưởng Pháp Vô Ngã Trí mà không bị pháp trói buộc, lúc đó mới tăng trưởng được phương tiện diệu dụng ra giáo hoá chúng sanh mà không bị pháp trói buộc do tâm thanh tịnh tương ưng khế hiệp cùng chư Phật nên phát sanh tâm lực, lia các hý luận, có trí dụng làm lợi lạc tất cả chúng sanh mà không chấp trước việc làm của mình nên vượt tất cả phiền não và sở tri chướng. Ngài Bà Tu Mật Đa nói: “*Tâm đồng hư không giới, đây là pháp hư không. Lúc chứng đắc hư không. Không đây, không phi pháp*”. Cũng đồng với lời Đức Phật dạy: “*Bồ Tát phải rõ Các pháp đều không tướng, không sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm như hư không*”, chẳng khác tâm kinh Bát Nhã chỉ bày. Người tu muốn ngộ nhập chơn tâm phải trở về thể như Vô Trí Vô Đắc, tại sao gọi là Vô Trí Vô Đắc? Vì trí chúng ta do tâm thanh tịnh vô tướng nó hiện bày, khi chấp có, chấp thành tựu thì mất luôn, chỉ còn vọng thức. Trí và đắc cũng chỉ là phương tiện nói; với người vô minh nói trí, người giải đãi nói có đắc, vì trí là pháp nếu mình chấp, đắc cũng là pháp,

chỗ này đừng chấp đắc đừng chấp trí, đừng chấp đắc mới thật sự là trí. Là tất cả tướng trên tinh thần Phi: chẳng phải có chẳng phải không, hay bất nhị pháp môn.

Tóm lại, người muốn ngộ nhập chơn tâm theo Mật thừa phải tu Đà La Ni và có lòng tin sắt đá cao độ, đầy đủ tự lợi, một lòng hướng đến Nhất thừa Phật đạo, có tâm nguyện lớn và cầu Nhất Thiết Chúng Trí rộng lớn, muốn làm an lạc tất cả chúng sanh mới tu được pháp Vô Thượng Đà La Ni này. Người có tâm rộng lớn, hạnh rộng lớn, và nguyện rộng lớn mới có thể tu được pháp này. Tại sao? Pháp từ chơn tâm rộng lớn lưu xuất ra, mà tâm quá nhỏ hẹp trí quá nhỏ hẹp, nguyện nhỏ hẹp làm sao tu nổi vì thế sụp đổ ngay. Chỉ có tâm vô biên như hư không mới nhận được vô thượng pháp thù thắng.

Như vậy, Pháp Ấn đầu tiên này khẳng định người tu Đà La Ni phải y cứ chơn tâm hành trì, là chơn tâm tu hành là ngoại đạo tà kiến không phải là pháp chơn chánh của Đức Phật.

2/- Nhất Thiết Chúng Trí Ấn

Pháp Ấn thứ hai là *Nhất Thiết Chúng Trí Ấn* hay *Diệu Tâm* hoặc *Xuất Ly Đà La Ni* là diệu dụng thần lực của chơn tâm, hay diệu tâm ứng dụng ra làm lợi lạc tất cả chúng sanh trên tinh thần tánh Không chẳng sanh diệt đến đi qua lại, bình đẳng vô phân biệt. Đây là mật ấn của Chư Phật thâm nhiếp tất cả các pháp. Trong đó chẳng có bóng dáng ngôn thuyết văn tự và ngữ nghiệp cùng tất cả hữu tác vô tác.

Kinh Lăng Già nói: *“Tất cả pháp như huyễn, xa lìa nơi tâm thức hoặc có hoặc không có, cả hai thấy đều lìa”*. Ý nghĩa Xuất Ly Đà La Ni là rõ tất cả pháp chơn vọng đều như huyễn, không chấp thủ mà diệu dụng tùy duyên trên tinh thần chẳng phải có, chẳng phải không. Không có sanh trụ dị diệt nhưng cũng không lìa tướng sanh trụ dị diệt mà huyễn hiện.

Ở đệ cửu Thiện Huệ Địa, Bồ Tát Tu Lục Ba La Mật, đệ thập Pháp Vân Địa tu Trí Ba La Mật hay Phương Tiện Trí khi viên thành có thần lực hay lực dụng từ chơn tâm thanh tịnh ứng dụng ra hình thành diệu đức làm an lạc chúng sanh và diệu trí nhiếp hoá chúng sanh viên thành Thập trí lực hay thập thần lực.

Tất cả pháp gọi là Như Lai và trí lực Như Lai, nhưng nơi các pháp đó cũng là bất khả kiến và bất khả thuyết. Mười trí lực của Như Lai viên mãn có thể khai thị vô lượng vô biên pháp tạng nghĩa lý rất sâu. Đây là pháp môn Vô thượng của Chư Phật. Trụ pháp này thì có thể diễn thuyết mười trí lực của Như Lai, và có thể diễn thuyết tất cả môn thanh tịnh của trí lực này.

Đức Phật dạy khi dùng chân tâm thanh tịnh trì Đà La Ni hay dùng Ly Xuất Đà La Ni nó phát ra mười trí lực hay mười thần lực của tự tâm. Nó giải quyết hết tất cả các nghiệp của thế gian và xuất thế gian. Lực thứ ba giải quyết được nghiệp trong tầng thức chúng ta. Lực thứ mười giải quyết tất cả chủng tử trong tầng thức chúng ta. Người trì chú phải làm sao giải quyết tất cả nghiệp vì Đà La Ni là Tổng Trì. Tổng trì là thấu nhiếp nguồn tâm chân hiện tại nghiệp lại không cho căn duyên trần thức sanh và giải quyết tất cả lậu nghiệp trong tầng. Khi Bồ Tát vào chân tâm thanh tịnh dùng được thần lực diệu dụng ra thì sự hoá độ chúng sanh không cùng tận. Do đó, công đức trí tuệ Bồ Tát ngày càng toả sáng mau viên mãn Pháp thân.

Pháp Ân Xuất ly Đà La Ni nói về Phương Tiện Lực Bát Nhã hay **Diệu tâm** và nguyện ba la mật. Xuất ly là diệu dụng lực của chân tâm đi ra trên tịnh hạnh, không còn phân biệt thiện ác đúng sai phải quấy, phiền não. Nhờ dùng tâm từ bi rộng lớn trùm khắp nên lực dụng cũng trùm khắp tất cả đó là Ly Xuất Đà La Ni chỗ này là *Sự pháp giới* hành tất cả pháp viên mãn mà không chấp trước, nhưng còn kẹt tướng là thất địa. Nếu rõ suốt tánh không, hạnh nguyện viên thành là Bát Địa Bồ Tát hay Cứu Địa Bồ Tát vào lý sự vô ngại môn.

3/- Thanh Tịnh ấn

Hay *Pháp Giới Thế Tánh Trí Ấn* cũng gọi là *Thanh tịnh Đà La Ni* hay *Pháp Giới thế tánh trí; Tự Tánh thanh Tịnh Niết bàn*. Thanh tịnh Đà La Ni là chỉ rõ bản tâm thanh tịnh hay tánh tịnh Niết bàn chư Phật từ đó diệu dụng ra bao pháp công đức. Thanh tịnh có hai phần:

Thanh văn và Duyên giác chỉ chứng tướng thanh tịnh mà không thấu suốt tận cùng thể thanh tịnh của tâm. Nên còn nằm trong biển thức tánh vô biên của Diệt Tận Định, vì còn kẹt trong Pháp định.

Bồ Tát rõ suốt nguồn tâm y đó tu hành nên chứng được Tánh định chỗ này không có địa ngục Niết Bàn, không có đau khổ tự tại trước các pháp không bị danh lợi tình tiền trói buộc mà chuyển thức thành trí viên thành Phật đạo. Dù nhận được tự tánh thanh tịnh nhưng chưa viên mãn, chưa phải là Thanh Tịnh Đà La Ni vì còn nhị trí Nhất Thiết Trí và Nhất Thiết Chủng trí. Khi vào Đẳng giác, nhị trí dung thông trở về thể nhất như mới thật sự là Thanh tịnh Đà La Ni. Đây là chỗ núi sông trở về núi sông là diệu trí của chư Phật.

Người tu làm sao đừng chấp một pháp nào, đừng vướng mắc một hạnh nào, ly được các tướng chỗ đó là cầu và thích của hàng Bồ Tát tu Đại Thừa. Đức Phật dạy cầu là với tất cả các pháp không lấy không chấp, để không lưu vào tầng. Chỗ này, siêu tất cả thế gian pháp thiện và ác.

Do chấp trước nên có giới phải giữ, có pháp để hành. Khi chấp và giữ không còn thì không cần giới. Vì thế, ngài Huệ Năng nói: “Tâm địa không quấy tánh mình giới”, chỗ này siêu quá giới (*Tức giới tức định tức huệ*). Đây là nói về chân tâm thanh tịnh hay pháp giới thanh tịnh của chúng ta, đi vào các pháp mà không vướng mắc các pháp, đi vào các hạnh mà không vướng các hạnh. Nếu còn vướng giới thì chưa phải là Thanh tịnh Đà La Ni, vì trong Thanh Tịnh Đà La Ni một niệm cũng không có, một giới cũng không có, Phật và Tổ cũng không, nào có pháp thì lấy gì làm giới? Hệ thống tu của Vô Biên Trang Nghiêm là trang nghiêm quốc độ. Khi trang nghiêm quốc độ mình là đừng chấp đừng giữ thì tất cả quốc độ khác đều trang nghiêm. Chỗ đó, không còn phân biệt thức, không còn phân biệt tâm, đây là Thanh Tịnh Đà La Ni.

Đừng cầu đừng giữ, đừng chấp trước một pháp nào trong Tàng thức, nhìn các pháp đừng chấp căn duyên trần, đi vào thế gian không nhiễm trước. Đó là Thanh Tịnh Đà La Ni là trang nghiêm tâm mỗi hành giả, mỗi chúng sanh. Trang nghiêm tâm thì thân trang nghiêm, pháp giới trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm cũng là trang nghiêm Niết Bàn. Nếu người tu hành mà còn giữ và chấp làm sao tu đại thừa. Đức Phật dạy đừng giữ và chấp, nếu nghe pháp tu hành mà cứ chấp giữ pháp thì chết. Người tu phải thấy Niết Bàn là huyễn mà địa ngục cũng là huyễn. Vậy địa ngục là gì? Đắm mê tình, tiền, danh lợi, si mê, sân hận, thù hằn là địa ngục! Ai muốn vào thì cứ vào. Nhưng làm sao vào được thì phải ra được. Vào địa ngục có sáu cửa nhưng chỉ có một cửa ra. Sáu căn mà một căn thanh tịnh thì nó ra. Sáu căn chính là sáu cửa địa ngục, phá được một cửa thì ra hết. Khi vào địa ngục muốn ra thì phải chừa một cửa để ra, đó là căn thanh tịnh. Khi căn thanh tịnh thì thân thanh tịnh, thân thanh tịnh thì tâm thanh tịnh. Thanh tịnh thì siêu giới thanh tịnh. Nếu không thanh tịnh thì dính luôn. Đây là hiển bày tất cả pháp đều hư không tánh, vì bản tánh của các pháp như hư không, chỉ dùng ngữ ngôn khai thị diễn thuyết thôi. Người tu phải thấy được tất cả pháp tánh không trên tinh thần bát bát trung đạo và vô sở đắc.

Đức Phật dạy Bồ Tát Vô Biên Trang Nghiêm, trí thanh tịnh của Đức Phật không do ai truyền thọ mà do căn không duyên trần, thức không sanh, tâm không động thì trở về thể nhất như. Chỗ này không thể truyền thọ chỉ do thức tỉnh giác ngộ của mình mà thôi, mình luôn tỉnh giác, căn không duyên trần thì trí giác hiện tiền, không có pháp môn nào truyền thọ. “*Giáo pháp thanh tịnh như vậy, không pháp có thể sanh, cũng không phải do truyền thọ*”. Trí này không ai tạo cho mình được vì nó là Vô Sư Trí, từ chân tâm ra không phải do hành mà được, chỉ do tỉnh thức từng niệm một. Thế

nào là tỉnh thức từng niệm một? Khi Nhãn căn đối sắc trần, phải biết là giả hợp duyên thành, nên tâm không đắm trước, trí hiện tiền từ chân tâm ra nên không có truyền và không ai duyên được.

Chỉ cần không chấp trước thì ngộ được tâm này. Do tâm chấp trước mà không mở được tuệ nhãn ra, để thấy thật tướng các pháp. Do thành tựu trí tuệ chân tâm nên tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều thanh tịnh.

Thanh tịnh Đà La Ni là trí dụng hay Diệu dụng thù thắng của Tâm chỉ có Bồ Tát từ đệ Thập Địa trở lên mới ứng dụng được. Người ngộ nhập được pháp Ấn này thì lần tròn đủ Tứ vô sở úy và mười tám pháp bất cộng của chư Phật, chỗ này là Sai Biệt Trí hay Nhất Thiết Chung Trí. Tương ứng với Sự sự vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm và “Chúng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân” của kinh Lăng già. Thế gian tri thức và ngoại đạo không rõ chân tâm kẹt trong tri thức phân biệt, danh tướng chấp trước làm sao biết rõ được. Chỗ này, Thanh văn Duyên giác còn không rõ làm sao ngoại luận biết mà nói đến.

Chỗ này là Trí Thập Địa Bồ Tát hay Vô sư trí. Trí tri thức, bác học dùng văn tự nghiên cứu để học hỏi nghiên cứu đây là Hữu Sư Trí. Trí Bồ Tát do ba mươi bảy phẩm trợ đạo hành Lục độ Ba La Mật, cộng thêm trí biết tri thức văn tự thế gian hình thành Phương Tiện Lục vào đời làm an lạc chúng sanh an vui bằng tâm từ bi nên thành tựu Trí Đức. Còn trí bác học nếu làm thiện chỉ được Phước Đức mà thôi. Cũng hai con người này ứng dụng hai trí vào thế gian mà hai cái khác xa. Hai trí do tâm dụng sai khác còn nằm trong thiện ác.

Tóm lại, ba Pháp Ấn trong pháp hội Vô biên trang nghiêm là vén cho tất cả người tu hành màn bí mật về Mật Giáo là giáo pháp trực chỉ nguồn tâm, ứng dụng vào đời làm an lạc tất cả chúng sanh bằng chân tâm thanh tịnh và chỉ rõ diệu dụng vô biên của tâm này. Người tu Đà La Ni chính là tu Lục Ba La Mật, là hành pháp tổng trì tổng nhiếp nguồn tâm, chuyển thức thành trí, viên thành Trí Ba La Mật. Muốn có thần lực phải y Bát Nhã Ba La Mật làm nền tảng. Người không y Chân tâm hay Bát Nhã tu Mật Giáo là ngoại đạo chính thống, chắc chắn đi vào đường tà. Tất cả ấn khế, nghi quỹ, đàn tràng, Mạn Đà La đều là phương tiện ngộ nhập nguồn tâm, y đây hành dụng chỉ là Thanh Văn Hạnh.

Người tu lúc đầu phải y cứ vào đây tu hành để có *Pháp định*, ngộ nhập chân tâm vào *Tánh định* rồi nhập thế độ sanh để hình thành *Trí Định* của chư Phật. Thế nhưng, đây là con đường thiên hiểm nhất, thành tựu mau chóng nhất mà cũng dễ lạc nhất, chỉ cách một đường tơ là lọt nẻo tà. Cho nên, những ai tu theo pháp bí mật thì phải nắm rõ lý Bát Nhã và có tâm Đại Từ Bi, hành Bồ Tát đạo

mới thành tựu Phật đạo. Người nghiên cứu pháp ấn này kỹ càng thì chắc chắn không sai lạc vào lối rẽ. Bằng không “*Chỉ sai hào ly, lạc mất muôn ngàn*” như lời Huyền Giác đại sư thức tỉnh.

Như vậy, tất cả người tu Bồ Tát đạo đều phải đi qua con đường này vào Đẳng giác. Ai muốn viên mãn Phật trí thì phải hành môn Tổng Trì này, y đây tu hành thì một đường thẳng tiến không hai nẻo. Mong sao tất cả mọi người con Phật đồng ngộ diệu pháp này, nhất tâm phụng hành ba Pháp Ấn này làm an lạc tất cả chúng sanh đồng viên thành vô thượng đạo trang nghiêm cõi nước, đứng như tinh thần Vô Biên Trang Nghiêm lợi lạc hữu tình.

Vô thường - Khổ - Không - Vô Ngã

Bốn pháp ấn này của Hữu Bộ & Đại thừa về nội dung chỉ là một bước tiến lên triển khai tư tưởng tánh không so với ba pháp ấn Vô thường, Khổ và Vô Ngã nói cách khác là triển khai thêm về pháp vô ngã. Thế nhưng Hữu bộ chỉ là triển khai nghĩa không theo tư tưởng Hữu Bộ chưa nhập được tánh không bát nhã. Do đó, y theo pháp ấn Hữu bộ thì nhập Bồ Tát hạnh nhưng chỉ thuộc Quyền thừa Bồ Tát vì chưa thể nhập được bát nhã trí (Tánh định). Đại thừa cũng nói về bốn Pháp Ấn này trong kinh Bửu tích, trên tinh thần pháp dùng phương tiện như hội “Mật tích Lục Sĩ” nói: “*Với người đẳng phân phần nào Bồ Tát vì họ diễn nói Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã*” hay nói: Đức Như Lai minh chứng tất cả pháp dạy bốn pháp thí:

Một là tất cả vạn vật đều về nơi vô thường.

Hai là tất cả chỗ có đều là nơi khổ độc.

Ba là tất cả pháp đều không có ngã.

Bốn là tất cả hữu hình đều đến nơi không vô vi Niết bàn tịch diệt.

Bốn pháp ấn này cũng là phương tiện khai thị rõ cuộc đời là khổ vạn pháp tánh không chỉ có trở về vô ngã mới nhận được chơn tâm thường trụ, có an lạc thật sự, rõ tất cả đều không tướng, tự tâm xưa nay thường hằng thanh tịnh.

Vô thường: Theo Đại Thừa tất cả vạn vật chẳng sanh, chẳng tăng, chẳng khởi, chẳng diệt. Người hiểu được lý này lìa cống cao tự đại, chấp trước được tâm bất động rõ tất cả pháp đều không tịch, đây là ngộ nhập vĩnh viễn vô thường.

Khổ: Rõ thế gian là khổ năm âm rỗng không, nên trừ được lòng cầu mong không đắm trước. Hằng phát nguyện độ sanh dứt trừ tất cả khổ sanh tử trên tinh thần rõ tất cả khổ đau hằng như mộng

Không: Vì được nghe Niết bàn tịch diệt nên quyết chí đến không tưởng thọ chẳng sanh chẳng diệt đều là diệt tận định chẳng có chung thủy (*chỗ này không còn trong Diệt Tận Định của nhị thừa mà là Tánh định của Bồ Tát*) đây mới gọi là rõ nghĩa không.

Vô Ngã: Là nghe nói tất cả pháp không có ngã mà phụng trì môn không giải thoát, với ngã và vô ngã, không thấy có hai tướng sai khác.

Tóm lại, cùng là bốn pháp ấn nhưng nếu y theo nghĩa đại thừa ngộ nhập thì vào Tánh Định, Bồ Tát mà theo nghĩa Hữu Bộ hành thì chỉ mới bước qua hành Bồ Tát đạo chưa nhập nguồn tâm.

Thường - Lạc - Ngã - Tịnh

Đây là bốn pháp ấn Đại Thừa xuất phát từ kinh Đại Bát Niết bàn chỉ cho tự tánh thanh tịnh của Niết bàn có bốn đức tánh. Trên phân biệt có thể nói bốn pháp ấn này và Vô thường, Khổ, Không, Vô Ngã của Hữu bộ & Đại thừa là hai phạm trù của vọng và chơn khi đối chiếu kỹ.

Vô thường # Thường Khổ # Lạc Vô ngã # Ngã Không # Tịnh

Nhìn bên ngoài Không đối Tịnh có vẻ gương gập. Thế nhưng nếu nhìn kỹ lại thì đây là sự đối xứng trên tinh thần không và không không hay chơn không diệu hữu vì thanh tịnh của Đại Niết bàn ẩn chứa bên trong vô biên diệu dụng chứ không khô cứng bất động như chúng ta thường tưởng. Đây là sự khác biệt giữa cái không của thức và chơn trí bát nhã.

Thường: Chỉ chơn tâm hay thể tánh pháp thân Như Lai là thường trụ không bao giờ dời đổi theo thời gian không gian. Chơn tâm hay Phật tánh dù có sa đọa vào ba ác đạo hay sanh lên thiên thượng trải bao nhiêu kiếp vẫn không hề tăng giảm. Chỗ chứng của thánh nhị thừa chỉ là vô thường, chư Phật chứng được pháp tánh chơn thường vì tự tánh Như Lai (chơn tâm) chẳng gọi là diệt mà hay diệt phiền não chẳng thường chẳng vô thường, thường hằng không biến đổi nên gọi là chơn thường.

Lạc: Trong chơn tâm hay pháp thân thanh tịnh của Như Lai lìa hẳn các khổ trụ trong sự an vui hoàn toàn của đại Niết bàn vắng lặng.

Ngã: Pháp thân Như Lai tự tại vô ngại xa lìa hai vọng chấp ngã và vô ngã. Khi thái tử Sĩ Đạt Ta ra đời, ngài thị hiện đi trên bảy hoa sen tay chỉ trời tay chỉ đất nói: “Trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý hơn cả”. Ngụ ý chỉ bày sự tôn quý tột bậc của chơn ngã hay pháp thân thường trụ tức Phật tánh hằng hữu trong mỗi chúng sanh mà muôn loài nào ai nhận biết. Khi nhận được nguồn tâm mới biết tự tánh xưa nay hằng như thị, đến Phật quả pháp thân mới hiển lộ hoàn toàn. Ai là người

con chơn chánh của Phật đà thì phải rõ biết điều này và y theo tánh này tu hành thì thành tựu pháp thân như tất cả chư Phật hiền thánh.

Tịnh: Pháp thân Như Lai hay chơn tâm thường trụ lìa cấu vô nhiễm vắng lặng thanh tịnh. Xưa nay thường hằng không biến đổi ở thánh không thêm ở phàm không giảm.

Đức Phật lúc đầu nói vô thường, vô ngã, khổ không (Tam Pháp Ấn) để cho chúng sanh biết lỗi tu hành. Sau Ngài nói chơn thường, chơn lạc, chơn ngã Niết Bàn tịch tịnh là kết quả của việc tu hành. Tất cả đều do tâm tạo, không ngoài tâm mà có. Người tu theo giáo lý Đại Thừa phải thấy rõ chơn tâm trong vô thường, thấy chơn ngã trong cái ngã kiến biến dịch, thấy chơn lạc trong cái khổ, thấy Niết Bàn thanh tịnh trong thế gian như uế này. Tướng của mọi pháp là huyễn hóa, là giả nhưng thể thì lặng lẽ, dụng thì khởi phát từ tâm khởi dụng. Biết mọi pháp hiện tiền, nhưng ta làm chủ được nó, không để chúng chi phối ta mỗi niệm khởi lên thì quan sát nó biết nó là vọng thì tự nhiên nó lắng xuống biến đi.

Sự liên hệ giữa các pháp ấn:

Khi nhìn tổng quát các pháp ấn chúng ta thấy rõ ba pháp ấn Vô thường Khổ và Vô Ngã là then chốt để đa phần chúng sanh nhập đạo. Trong thế giới Ta Bà do trải qua khổ đau nên nhận được lý vô thường sanh diệt từ đó tâm chơn lý chứng đạo mâu. Thế nhưng, nếu phần đông chúng sanh và những người tu hành thường chỉ nghĩ rằng thành tựu được Vô Ngã vào Diệt Tận Định là viên mãn. Các nhà tư tưởng Nam truyền cho là đại thừa chỉ là sự phát triển vì họ thấy khi vào Diệt Tận Định chứng A La Hán xong các vị A la hán có Niết bàn an lạc như Đức Phật, cũng đi hoằng pháp độ sanh theo lời Phật dạy. Thế nhưng, kinh giáo Đại Thừa chỉ rõ chúng Diệt Tận Định chỉ là tướng Pháp định viên mãn, Đức Phật dụ hàng Thanh văn ráng tu vào Diệt Tận Định chứng Niết Bàn an lạc giải thoát giác ngộ liền. Nhưng đến nơi, Ngài nói chỗ này chưa phải giải thoát, chỉ là Hoá thành ta giả lập cho các ông thôi, bỏ cái đó đi tiếp và bảo sở. Chứng A La Hán xong không còn tu nữa nhưng phải học tất cả phương tiện thế gian, phát nguyện lớn hành đạo Bồ Tát mới viên mãn.

Đại Thừa chỉ rõ sau khi chứng Diệt Tận Định phải không thủ chứng thiên định Niết bàn. Lập đại nguyện như ngài A nan: “Nếu một chúng sanh chưa thành Phật thì con thế chẳng chứng Niết bàn”. Mà vào pháp giới độ sanh tu Tánh Định và Phương Tiện Trí mới hoàn thành Nhất Thiết Chứng Trí hay Trí Định của Phật. Cho nên, bốn pháp ấn Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã xác định sự chuyển mình đó qua quán chiếu tánh không nhưng đây chỉ là tướng không chưa thể nhập được tự tánh không. Phần lớn người tu lầm cho chúng định vào trạng thái không tịch vắng lặng là đủ, Đại

Thừa chi rõ phải vào pháp giới trùng tâm, bị người chọc gheo mắng chửi phỉ báng thậm chí đánh đập mới biết có thật sự không nổi chưa? Vào pháp giới ngoại đạo và chúng sanh tà kiến hay vào biển dục mới thấy rõ tâm mình, lăn vào trần dục trở lại xem tâm có nhiễm không. Làm tất cả Phật sự công đức xong rồi có chấp không? Lại nữa chính Đức Thế Tôn ôm bát đi 49 năm mới viên thành nhất thiết chủng trí đầy đủ mười tôn hiệu, nếu chúng đạo xong Niết bàn không ai gọi ngài là Như Lai cả.

Cho nên ba Pháp ấn *Chư hành vô thường - Các Hạnh Vô Thường - Chư Pháp vô ngã, Niết bàn tịch tịnh* hay *Khổ không* xác định hay ấn chứng tâm bất động không thủ xả của Bồ Tát Bất Động Địa trên tinh thần Vô Trụ Xứ Niết bàn từ đó mới ngộ nhập Tự Tánh Thanh Tịnh Niết bàn. Ba Pháp Ấn Không - Vô Tướng - Vô Tác khẳng định lại hành dụng của người tu hay chỉ rõ hành tướng của một A la hán hay Bồ Tát ma ha tát phải hành tuỳ theo người tu lập hạnh.

Bốn Pháp Ấn *Thường - Lạc - Ngã - Tịnh* của kinh Niết bàn khẳng định tướng đại Niết bàn cho tất cả người tu hành rõ biết diệu dụng vô biên của đại Niết bàn chư Phật. Tánh thể của Niết bàn chúng sanh ai cũng sẵn có nhưng chỉ có người ngộ nhập được nguồn tâm thì mới cảm nhận được đại dụng này.

Thật tướng Ấn là Pháp Ấn ấn khả tất cả pháp đại thừa không lìa diệu dụng của bát nhã trí hay chơn tâm và diệu tâm trên tinh thần bát bất trung đạo hay đệ nhất nghĩa thánh đế. Tất cả chư Phật Bồ Tát đều từ đây sanh muôn công đức lành không lìa tâm hiện chơn vọng thánh phạm đều từ đây phát sanh. Thế nhưng, để ứng dụng chơn tâm và diệu tâm như thế nào, do pháp nào ngộ nhập thứ bậc ra sao thì ba pháp ấn *Nhất Thiết Trí Ấn - Nhất Thiết Chủng Trí Ấn* và *Thanh Tịnh ấn* hay *Pháp Giới Thể Tánh Trí Ấn* (Chơn tâm - Diệu tâm & Thanh tịnh tâm) là căn cứ cho tất cả người tu hành. Tất cả ứng dụng của chư Phật Bồ Tát hiện thánh không lìa ba pháp ấn này.

Điểm đặc thù của tất cả pháp ấn đại thừa là các pháp ấn hỗ tương dung nhiếp lẫn nhau, trên tinh thần pháp dùng phương tiện, mỗi pháp ấn ấn khả một phạm trù theo căn cơ chúng sanh. Khi nhìn bằng chơn tâm hay bát nhã trí thì tất cả đều dung thông nhất quán nhau. Thấy có sai biệt là do nhìn bằng vọng thức nên thấy sai thù.

KẾT LUẬN:

Tóm lại, hệ thống pháp ấn của đại thừa là một hệ thống rõ ràng nhất thống. Người si mê không rõ thì chia rẽ chấp chặt theo bộ phái tông thừa. Nào ai rõ phân chia giáo nghĩa tông chỉ thì chánh giáo lu mờ đường vào bảo sơ không rõ ràng. Giáo Phật pháp Đức Thế Tôn là một thể nhất thống,

theo Đại Thừa tất cả Pháp Ấn đều dung thông nhất quán nhau chứ không hề chống trái, đứng trên tương mỗi pháp ấn xác định một khía cạnh hay phạm trù tu chứng tự lợi hay lợi tha, cứu cánh hay phương tiện quyền thừa hay Phật đạo. Tóm lại, chỉ vì tùy theo căn cơ chúng sanh mà Đức Phật nói pháp khác biệt, phương tiện pháp tuy nhiều nhưng rốt lại không ngoài chỉ rõ nguồn tâm và diệu dụng vô biên của nó. Mà có bao pháp ấn sai thù nhưng mỗi pháp ấn đều khẳng định rõ đây chính là chánh giáo của Đức Thế Tôn, không có trong ngoại giáo Trong pháp hội “Vô biên trang Nghiêm” kinh Bửu Tích Đức Phật khẳng định: “Vì làm cho giáo pháp tùy thuận theo chủng tánh chúng sanh không đoạn dứt nên thiết lập pháp ấn”. Chủng tánh chúng sanh vô lượng nên pháp ấn phương tiện và tất cả pháp tu có nhiều sai khác, đây là nhìn trên chủng tánh có sai thù trở về cứu cánh thì pháp ấy thuận một vị giải thoát Niết bàn môn. Như vậy, nếu trở về ứng dụng được bản tâm này thì thấy tất cả pháp đều bình đẳng trên thể nhất chơn không sai khác, không rõ thì thánh hiền lục đạo và mười pháp giới sai cách muôn trùng. Ai là bậc trí giả nên dùng trí quán xét thâm định rõ ràng chánh pháp Phật đà, lia chấp trước hý luận thì đạo lớn hiện tiền trước mắt ta.

Mong sao tất cả người con Phật có mắt trí huệ thấy rõ tất cả pháp nhận chân được chánh pháp của Đức Thế Tôn qua các pháp ấn một lòng y đó tu hành không lọt vào lưới ma đồ trong thời hiện tại cũng như vị lai.

Như Phật đã từng nói các hành Pháp vô thường. Diễn thuyết như vậy là nghĩa yếm ly hay Niết Bàn. Như Phật đã nói Niết Bàn tịch tịnh, diễn thuyết như vậy là nghĩa bỏ lia tất cả pháp hữu vi.

Hoặc vô thường hoặc các khổ hoặc vô ngã hoặc Niết Bàn, đây là những pháp môn Như Lai khai thị bản tánh tự tánh của tất cả pháp.